TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **01**/2019/KDTM-PT
Ngày 22 - 4 - 2019
"V/v tranh chấp Hợp đồng tín dụng, thế chấp**"**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Trọng.

Các Thẩm phán: Ông La Minh Tường

Ông Trần Hưng Bính

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quỳnh Châu, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên tòa: Ông Lê Xuân Phúc, Kiểm sát viên.

Vào các ngày 18 và 22 tháng 4 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế, xét xử phúc thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số: 02/2019/TLPT-KDTM ngày 05 tháng 01 năm 2019 về tranh chấp Hợp đồng tín dụng, thế chấp;

Do Bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 07/2018/KDTM-ST ngày 21 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế bị kháng cáo và kháng nghị;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 35/2019/QĐ-PT ngày 27 tháng 02 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Agribank Việt Nam, địa chỉ: Số 02, đường L, quận B, thành phố Hà Nội;

2. Bị đơn: Ông Phạm Quốc Tr- Chủ Doanh nghiệp tư nhân Trang trại GM; địa chỉ: Tổ dân phố ĐB, thị trấn P, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế, có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Bà Trương Thị T và chị Nguyễn Thị Thanh Th; đều có địa chỉ: Tổ dân phố ĐB, thị trấn P, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế; vắng mặt.

+ Anh Phạm Quốc B, địa chỉ: Tổ dân phố ĐB, thị trấn P, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế; có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn:

Ông Nguyễn Đ, Giám đốc Chi nhánh Agribank Việt Nam- Chi nhánh huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế, địa chỉ: Số 76 đường L, tổ dân phố 1, thị trấn P, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế; văn bản ủy quyền ngày 19/6/2014;vắng mặt.

Ông Trần Ngọc B và ông Phạm Văn C, địa chỉ: Số 76 đường L, tổ dân phố 1, thị trấn P, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế; văn bản ủy quyền ngày 18/10/2018; có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Phạm Quốc Tr và anh Phạm Quốc B: Ông Lê Hồng S, địa chỉ: đường H, phường A, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; văn bản ủy quyền ngày 21/01/2019; có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Trương Thị T và chị Nguyễn Thị Thanh Th: Ông Phạm Quốc Tr; văn bản ủy quyền ngày 22/8/2017; có mặt.

3. Người kháng cáo: Nguyên đơn Agribank Việt Nam; Bị đơn ông Phạm Quốc Tr- Chủ Doanh nghiệp tư nhân Trang trại GM;

4. Viện Kiểm sát kháng nghị: Viện Kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 17 tháng 01 năm 2017 và các tài liệu,chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, phía Nguyên đơn là Agribank Việt Nam trình bày:

Agribank Việt Nam- Chi nhánh huyện P (sau đây viết tắt là Agribank P) và ông Phạm Quốc Tr - Chủ Doanh nghiệp tư nhân Trang trại GM (sau đây viết tắt là Doanh nghiệp GM) có ký kết 04 hợp đồng tín dụng với mục đích vay vốn là để sản xuất kinh doanh chăn nuôi Nhím, trồng và chăm sóc rừng; cụ thể như sau:

1. Ngày 30/11/2012, ký Hợp đồng tín dụng số 4005-LAV-201206005 (gọi tắt là Hợp đồng tín dụng số 206005) vay số tiền 1.250.000.000 đồng; lãi suất vay 13%/năm, thời hạn vay 12 tháng; Agribank P đã giải ngân ngày 30/11/2012; đến ngày 15/11/2018, Doanh nghiệp GM còn nợ gốc 118.603.750 đồng và tiền lãi 305.716.984 đồng (lãi trong hạn: 292.652.451 đồng, lãi quá hạn: 13.064.533 đồng).

2. Ngày 12/12/2013, ký Hợp đồng tín dụng số 4005-LAV-201304786 (gọi tắt là Hợp đồng tín dụng số 304786) vay số tiền 350.000.000 đồng; giải ngân ngày 12/12/2013; đến ngày 15/11/2018, Doanh nghiệp GM còn nợ gốc 350.000.000 đồng và 203.037.500 đồng tiền lãi (lãi trong hạn: 192.393.056 đồng, lãi quá hạn: 37.644.444 đồng).

3. Ngày 16/12/2013, ký Hợp đồng tín dụng số 4005-LAV-201304848 (gọi tắt là Hợp đồng tín dụng số 304848) vay số tiền 560.000.000 đồng; giải ngân

ngày 16/12/2013; đến ngày 15/11/2018, Doanh nghiệp GM còn nợ gốc 560.000.000 đồng và 367.118.889 đồng tiền lãi (lãi trong hạn: 307.144.444 đồng, lãi quá hạn: 59.974.444 đồng).

4. Ngày 17/12/2013, ký Hợp đồng tín dụng số 4005-LAV-201304825 (gọi tắt là Hợp đồng tín dụng số 304825) vay số tiền 1.000.000.000 đồng; Phương thức cho vay từng lần; thời hạn vay 60 tháng. Tuy nhiên, Agribank P mới giải ngân cho Doanh nghiệp GM vay 950.000.000 đồng, hạn mức còn lại 50.000.000 đồng chưa được giải ngân; cụ thể các lần giải ngân như sau:

+ Giải ngân ngày 17/12/2013, số tiền vay 400.000.000 đồng, hạn trả nợ cuối cùng 15/12/2017. Khoản nợ này Doanh nghiệp GM đã trả được 6.133.333 đồng tiền lãi vào ngày 11/12/2015. Đến ngày 15/11/2018 Doanh nghiệp GM còn nợ tiền gốc 400.000.000 đồng và 279.933.333 đồng tiền lãi (lãi trong hạn: 233.200.000 đồng, lãi quá hạn: 46.733.333 đồng).

+ Giải ngân ngày 27/01/2014, số tiền vay 450.000.000 đồng; đến ngày 15/11/2018 Doanh nghiệp GM còn nợ tiền gốc 450.000.000 đồng và 288.150.000 đồng tiền lãi (lãi trong hạn: 262.950.000 đồng, lãi quá hạn: 25.200.000 đồng).

+ Giải ngân ngày 11/4/2014, số tiền 100.000.000 đồng. Doanh nghiệp GM đã trả được 21.000.000 đồng tiền lãi vào ngày 11/12/2015. Đến ngày 15/11/2018, Doanh nghiệp GM còn nợ tiền gốc 100.000.000 đồng và 40.600.000 đồng tiền lãi (lãi trong hạn: 35.000.000 đồng, lãi quá hạn: 5.600.000 đồng).

Sau khi đến hạn trả nợ, Agribank P đã nhiều lần thông báo và làm việc với Doanh nghiệp GM để giải quyết nợ gốc và lãi; đồng thời, phía Agribank P cũng đã gửi thông báo xử lý tài sản thế chấp nhưng phía Doanh nghiệp GM không trả nợ cho Ngân hàng. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm (15/11/2018), Doanh nghiệp GM còn nợ Agribank P số tiền là 3.490.160.456 đồng; trong đó gồm có: Nợ gốc 1.978.603.750 đồng, nợ lãi phải trả 1.511.556.706 đồng (trong đó lãi trong hạn: 1.323.339.951 đồng, lãi quá hạn: 188.216.755 đồng. Trong đó:

1. Đối với khoản dư nợ gốc 118.603.750 đồng và lãi của Hợp đồng 206005 là khoản vay không được bảo đảm bởi Hợp đồng thế chấp số 010/12/2013/HĐTC ngày 03/12/2013 (gọi tắt là Hợp đồng thế chấp số 010 ngày 03/12/2013) nên Agribank P chỉ yêu cầu Tòa án buộc Doanh nghiệp GM trả nợ theo quy định.

2. Các Hợp đồng tín dụng số: 304786 ngày 12/12/2013, 304848 ngày 16/12/2013 và 304825 ngày 17/12/2013 đều được bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp số 010/12/2013/HĐTS ngày 03/12/2013, tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất diện tích 22.002 m^2, tọa lạc tại tổ dân phố ĐB, thị trấn P, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BH745138 do Ủy ban nhân dân huyện P cấp ngày 24/5/2012 đứng tên ông Phạm Quốc Tr và bà Trương Thị T, lập Hợp đồng tặng cho anh Phạm Quốc B ngày 05/7/2012.

Do vậy, Nguyên đơn yêu cầu:

1. Buộc Doanh nghiệp GM phải trả cho Agribank P số tiền: 3.490.160.456 đồng bao gồm: Nợ gốc 1.978.603.750 đồng, nợ lãi 1.511.556.706 tính đến ngày xét xử sơ thẩm 15/11/2018.

- Doanh nghiệp GM phải tiếp tục trả nợ tiền lãi trong hạn và lãi quá hạn theo mức lãi suất nợ quá hạn đã cam kết, thỏa thuận tại các hợp đồng tín dụng trên.

- Trường hợp Doanh nghiệp GM không trả được nợ, Agribank P có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản đảm bảo nợ vay của Doanh nghiệp GM theo Hợp đồng thế chấp số 010 ngày 03/12/2013, để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

Bị đơn Doanh nghiệp GM trình bày: Doanh nghiệp GM thừa nhận có ký kết các hợp đồng tín dụng với Agribank P như phía nguyên đơn trình bày đồng thời ông cũng ký đầy đủ các thủ tục để vay vốn cũng như ký giấy nhận, lĩnh tiền, giấy nhận nợ như chứng cứ do nguyên đơn cung cấp. Tuy nhiên, trong số các hợp đồng Agribank P khởi kiện thì có hợp đồng tín dụng mang tính đảo nợ, có hợp đồng ảo không có thật, do vậy Doanh nghiệp GM chỉ chấp nhận một phần yêu cầu của Agribank P, cụ thể như sau:

- Hợp đồng tín dụng số 206005 ngày 30/11/2012, Doanh nghiệp GM không nhận được tiền vay. Tuy nhiên, hợp đồng này đã thanh toán bằng hợp đồng thế chấp tài sản 24,7ha rừng ngày 02/02/2012 giữa vợ chồng ông Trai và Agribank P, sau đó Agribank P đã tổ chức phát mãi thu hồi nợ nên ông không còn nợ.

- Các Hợp đồng tín dụng số 304786 ký ngày 12/12/2013 với số tiền vay: 350.000.000 đồng và Hợp đồng tín dụng số 304848 ký ngày 16/12/2013 với số tiền vay là 560.000.000 đồng Doanh nghiệp GM thừa nhận ông đã ký đầy đủ thủ tục nhưng không nhận được tiền và đây là những hợp đồng ảo, không có thật. Nội dung hợp đồng ghi mục đích sử dụng vốn vay để trồng và chăm sóc rừng, nuôi Nhím là ghi khống, không có trên thực tế, không phải là phương án kinh doanh, mục đích sử dụng vốn cũng như thẩm định thực tế và giám sát việc vay vốn của khách hàng.

- Đối với Hợp đồng tín dụng số 304825 ký ngày 17/12/2013 với số tiền vay là 1.000.000.000 đồng, hợp đồng này có thủ tục giải ngân 03 lần, Doanh nghiệp GM chỉ thừa nhận số tiền thực tế ông đã nhận là 850.000.000 đồng đối với 02 giấy nhận nợ lần 1 ngày 17/12/2013 để rút số tiền 400.000.000 đồng; lần 2 ngày 27/01/2014, để rút số tiền 450.000.000 đồng. Đối với lần thứ ba ngày 10/4/2014, Doanh nghiệp GM thừa nhận có tiến hành ký các thủ tục để rút số tiền chứ thực tế ông không nhận số tiền 100.000.000 đồng như nguyên đơn trình bày. Do vậy, Doanh nghiệp GM thừa nhận chỉ nợ Agribank P tại hợp đồng tín dụng này với số tiền thực nhận là 850.000.000 đồng; sau đó Doanh nghiệp GM đã trả cho Agribank P 80.000.000 triệu đồng tiền nợ gốc theo giấy nộp tiền ngày 04/12/2015, hiện nay ông chỉ đồng ý trả tiền nợ gốc là 770.000.000 đồng và lãi phát sinh theo yêu cầu của Agribank P.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Phạm Quốc B trình bày nội dung: Đề nghị Tòa án xem xét tuyên bố Hợp đồng thế chấp số 010 ngày 03/12/2013 giữa anh và Agribank P là vô hiệu, vì các lý do:

- Hợp đồng thế chấp số 010 ngày 03/12/2013 có xác định giới hạn giá trị tài sản bảo đảm; trong khi Doanh nghiệp tư nhân Trang trại GM ký kết rất nhiều hợp đồng tín dụng với phía ngân hàng nhưng nội dung hợp đồng thế chấp và các hợp đồng tín dụng đều không xác định cụ thể tài sản thế chấp nhằm bảo đảm cho hợp đồng tín dụng nào của Doanh nghiệp tư nhân Trang trại GM.

- Mặt khác tại Điều 8 của các hợp đồng tín dụng tranh chấp nêu trên đều quy định rõ: "*Bảo đảm tiền vay thực hiện theo các hợp đồng thế chấp tài sản bổ sung đã ký giữa Doanh nghiệp tư nhân Trang trại GM và Ngân hàng Nông nghiệp huyện P*". Như vậy, tài sản bảo đảm thực hiện theo các hợp đồng tín dụng nêu trên được thực hiện theo hợp đồng thế chấp giữa Doanh nghiệp GM và Agribank P; và thực tế Doanh nghiệp GM và Ngân hàng có ký Hợp đồng thế chấp số 031/01/2012 ngày 02/02/2012. Không có hợp đồng tín dụng nào ghi nhận nghĩa vụ của anh B liên quan hợp đồng thế chấp ngày 03/12/2013 nên anh B không có nghĩa vụ trả nợ thay cho Doanh nghiệp GM.

- Đối với Hợp đồng tín dụng số 206005 ngày 30/11/2012, anh B không có trách nhiệm đối với hợp đồng này, bởi vì hợp đồng này được bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp ngày 02/02/2012 giữa ông Phạm Quốc Tr với Agribank P.

Tại Bản án số 07/2018/KDTM-ST ngày 21/11/2018, Tòa án nhân dân huyện Phú Lộc đã quyết định:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 30; khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng: Điều 117, 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 91, 95, 98 của Luật Các tổ chức tín dụng; Điều 193, 195 Luật Doanh nghiệp năm 2014; Án lệ số 08/AL của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/10/2016; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Agribank Việt Nam với ông Phạm Quốc Tr - Chủ Doanh nghiệp tư nhân Trang trại GM đối với phần yêu cầu khoản tiền nợ gốc và tiền lãi.

2. Buộc ông Phạm Quốc Tr - Chủ Doanh nghiệp tư nhân Trang trại GM phải trả cho Agribank Việt Nam tổng số tiền tính đến ngày 15/11/2018 là 3.490.160.456 đồng (trong đó tiền gốc 1.978.603.750 đồng; tiền lãi trong hạn phải trả 1.323.339.951 đồng, tiền lãi quá hạn phải trả 188.216.755 đồng).

3. Không chấp nhận yêu cầu của Agribank Việt Nam đối với yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm, trong trường hợp ông Phạm Quốc Tr không trả được nợ theo hợp đồng thế chấp số 010/12/2013/HĐTC ngày 03/12/2013. Tuyên bố hợp đồng thế chấp số 010/12/2013/HĐTC ngày 03/12/2013 vô hiệu.

Buộc Agribank Việt Nam (chi nhánh huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế) phải trả lại cho anh Phạm Quốc B giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BH 745138, thửa đất số 01, tờ bản đồ số 04 diện tích 22002,0 m^2 tại khu vực ĐB, thị trấn P, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế (theo phiếu nhập kho kiêm phiếu xuất kho tài sản thế chấp ngày 16/12/2013 của Phòng giao dịch Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, lãi suất chậm thi hành án, án phí, quyền kháng cáo và quyền yêu cầu thi hành án, thỏa thuận thi hành án theo quy định pháp luật.

Ngày 04/12/2018, phía Nguyên đơn có đơn kháng cáo với nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm sửa một phần 07/2018/KDTM-ST ngày 21/11/2018, Tòa án nhân dân huyện P, theo hướng công nhận hiệu lực của Hợp đồng thế chấp số 010 ngày 03/12/2013 giữa Agribank P, ông Phạm Quốc Tr và ông Phạm Quốc B. Trong trường hợp ông Phạm Quốc Tr không trả được nợ, Agribank P có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản bảo đảm nợ vay theo hợp đồng thế chấp để thu hồi nợ.

Ngày 04/12/2018, Bị đơn Doanh nghiệp GM có đơn kháng cáo với nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm chưa xác định đúng giá trị pháp lý cũng như số tiền thực tế đã giải ngân của các hợp đồng tín dụng giữa Agribank P với Doanh nghiệp GM và buộc Bị đơn phải thanh toán trả nợ cho Agribank P số tiền 3.490.160.456 đồng là chưa chính xác đề nghị xem xét toàn bộ nợ gốc và cách tính lãi của các hợp đồng tín dụng nêu trên và xem xét miễn án phí cho Bị đơn theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Kèm theo đơn kháng cáo, Bị đơn cung cấp thêm các tài liệu chứng cứ gồm: Đơn xin miễn nộp án phí; Bản sao Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ cấp cho ông Phạm Ngọc Tr ngày 21/10/2005 về việc đã góp công sức vào cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước; bản photo có đóng dấu treo của Agribank Việt Nam- Chi nhánh thị xã H nội dung: Sao kê lịch sử giao dịch tài khoản của DNTN Trang trại GM, in ngày 22/8/2017.

Ngày 06/12/2018, Viện Kiểm sát nhân dân huyện P có Quyết định kháng nghị số 315/QĐKNPT-VKS-DS nội dung: Kháng nghị một phần bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn đối với yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm. Trường hợp ông Phạm Quốc Tr không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ tại các hợp đồng: Hợp đồng tín dụng số 304786 ký ngày 12/12/2013, Hợp đồng tín dụng số 304848 ký ngày 16/12/2013, Hợp đồng tín dụng số 304825 ký ngày 17/12/2013 thì phía Nguyên đơn có quyền đề nghị cơ quan có thẩm quyền kê biên, bán đấu giá tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số 010 ngày 03/12/2013 để thu hồi nợ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Nguyên đơn bổ sung các tài liệu, chứng cứ gồm: Bản sao Hợp đồng thế chấp số 031/01/2012/HĐTC ngày 02/02/2012 với Bên nhận thế chấp là Agribank P, bên thế chấp là ông Phạm Quốc Tr, bà Trương Thị

T và bên vay vốn là Doanh nghiệp tư nhân Trang trại GM và hồ sơ thế chấp kèm theo; Hợp đồng bán đấu giá tài sản ngày 24/5/2016 và hồ sơ đấu giá xử lý tài sản thế chấp đối với 247.000m^2 đất rừng sản xuất theo Hợp đồng thế chấp số 031/01/2012/HĐTC ngày 02/02/2012.

Bị đơn Doanh nghiệp GM tự nguyện rút một phần yêu cầu kháng cáo về đề nghị xem xét tính hợp pháp của các hợp đồng tín dụng và cách tính lãi, chấp nhận thanh toán trả nợ cho Agribank P theo các hợp đồng tín dụng đã ký kết; giữ nguyên yêu cầu kháng cáo đề nghị xem xét miễn án phí cho Bị đơn. Nguyên đơn tự nguyện rút một phần về yêu cầu Bị đơn Doanh nghiệp GM phải thanh toán cho Agribank P khoản tiền lãi quá hạn là 188.216.755 đồng, phía Bị đơn cũng đồng ý với việc rút một phần yêu cầu này của Nguyên đơn. Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo về phần xử lý tài sản bảo đảm. Viện Kiểm sát không rút kháng nghị.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế có ý kiến: Về kiểm sát tuân theo pháp luật tố tụng, từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, những người tham gia tố tụng trong vụ án đều tuân theo pháp luật tố tụng dân sự không vi phạm gì cần phải kiến nghị để khắc phục. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; sửa bản án sơ thẩm, cụ thể: Chấp nhận rút một phần kháng cáo của Bị đơn, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với phần kháng cáo mà Bị đơn đã rút tại phiên tòa; công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về phần không yêu cầu Bị đơn Doanh nghiệp GM phải thanh toán cho Agribank P khoản tiền lãi quá hạn là 188.216.755 đồng. Không chấp nhận kháng cáo xin miễn án phí dân sự sơ thẩm của Bị đơn. Chấp nhận kháng cáo của Nguyên đơn và kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân huyện P về xử lý tài sản bảo đảm, trường hợp ông Tr không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ tại các hợp đồng: Hợp đồng tín dụng số 304786 ký ngày 12/12/2013, Hợp đồng tín dụng số 304848 ký ngày 16/12/2013, Hợp đồng tín dụng số 304825 ký ngày 17/12/2013 thì phía Nguyên đơn có quyền đề nghị cơ quan có thẩm quyền kê biên, bán đấu giá tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số 010/12/2013/HĐTC ngày 03/12/2013 để thu hồi nợ. Sửa một phần án phí dân sự sơ thẩm và giải quyết án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa; xét kháng nghị của Viện Kiểm sát và kháng cáo của Nguyên đơn, Bị đơn; kết quả tranh tụng và ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Sau khi xét xử sơ thẩm, các đương sự kháng cáo, Viện Kiểm sát kháng nghị đúng trình tự thủ tục nên Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý, giải quyết theo quy định pháp luật.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, Bị đơn Doanh nghiệp GM rút một phần kháng cáo về đề nghị xem xét tính hợp pháp của các hợp đồng tín dụng và cách tính lãi nên Hội đồng xét xử đình chỉ đối với phần kháng cáo này của Bị đơn.

Nguyên đơn tự nguyện rút một phần về yêu cầu Bị đơn phải thanh toán cho Agribank P khoản tiền lãi quá hạn là 188.216.755 đồng, phía bị đơn cũng đồng ý với việc rút một phần yêu cầu này của Nguyên đơn nên Hội đồng xét xử chấp nhận đình chỉ xét xử về phần yêu cầu tính lãi quá hạn và sửa một phần bản án sơ thẩm buộc Doanh nghiệp GM phải trả cho Agribank Việt Nam tổng số tiền tính đến ngày 15/11/2018 là 3.301.943.701 đồng (trong đó tiền gốc 1.978.603.750 đồng; tiền lãi trong hạn phải trả 1.323.339.951 đồng).

[3 Xét kháng cáo của Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam và kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân huyện P:

Đối với Hợp đồng thế chấp số 010/12/2013/HĐTS ngày 03/12/2013 về quyền sử dụng đất để bảo lãnh cho người thứ ba vay vốn ngân hàng, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Về hình thức của Hợp đồng thế chấp: Hợp đồng này được ký giữa 3 bên gồm: Bên nhận thế chấp là Agribank P (bên A), bên thế chấp là anh Phạm Quốc B (bên B) và bên vay vốn là Doanh nghiệp tư nhân Trang trại GM (bên C). Việc bên thế chấp ông Phạm Quốc B và bên vay vốn ông Phạm Quốc Tr không ký vào từng trang của Hợp đồng là thiếu sót về hình thức nhưng tại từng trang của hợp đồng phía Ngân hàng đã có chữ ký và hợp đồng này đã được đóng dấu giáp lai của cơ quan chứng thực. Mặt khác, theo quy định tại Điều 134 và khoản 1 Điều 136 của Bộ luật Dân sự năm 2005 thì sau khi thụ lý vụ án, đến ngày 17/3/2017 anh Phạm Quốc B có văn bản trình bày ý kiến là đã quá thời hạn để yêu cầu tuyên bố hợp đồng vô hiệu. Việc Hợp đồng thế chấp này được chứng thực tại UBND thị trấn P là thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 130 của Luật Đất đai năm 2003 và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định. Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của Bị đơn và Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan khẳng định, việc ký kết Hợp đồng thế chấp 010 ngày 03/12/2013 mục đích là tạo điều kiện cho Doanh nghiệp GM tiếp tục vay vốn hoạt động kinh doanh. Điều này thể hiện ý chí của các bên đương sự là hoàn toàn tự nguyện khi tham gia ký kết hợp đồng thế chấp. Do đó, việc Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bố Hợp đồng thế chấp vô hiệu là không chính xác.

Về nội dung: Trước khi các bên ký kết Hợp đồng thế chấp số 010 ngày 03/12/2013 thì giữa Doanh nghiệp GM với Agribank P đang thực hiện Hợp đồng thế chấp số 031/01/2012/HĐTC ngày 02/02/2012 với Bên nhận thế chấp là Agribank P, bên thế chấp là ông Phạm Quốc Tr, bà Trương Thị T và bên vay vốn là Doanh nghiệp tư nhân Trang trại GM để bảo đảm cho các khoản vay của Doanh nghiệp GM với Agribank P.

Tại Điều 2 của Hợp đồng thế chấp số 010 ngày 03/12/2013 thì: *"Bên B tự nguyện...đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ cho bên C (bao gồm nợ gốc, lãi trong hạn, phạt quá hạn, các khoản phí và chi phí phát sinh liên quan- nếu có) tối đa không vượt quá giá trị tài sản; trong đó mức dư nợ/số tiền cho vay theo các Hợp đồng tín dụng do hai bên ký là 2.700.000.000 đồng"* nội dung này xác định: Anh Phạm Quốc B nhận bảo lãnh nghĩa vụ trả nợ cho Doanh nghiệp GM theo các

Hợp đồng tín dụng do hai bên Ngân hàng và Doanh nghiệp GM ký trong phạm vi tối đa không vượt quá giá trị tài sản là 3.700.000.000 đồng. Thế nhưng, sau khi ký kết Hợp đồng thế chấp này, Nguyên đơn và Bị đơn ký kết 03 Hợp đồng tín dụng số: 4005-LAV-201304786 ngày 12/12/2013, 4005-LAV-201304848 ngày 16/12/2013, 4005-LAV-201304825 ngày 17/12/2013 thì tại Điều 8 của các Hợp đồng tín dụng này đều thể hiện cùng nội dung: *"Cho vay có bảo đảm bằng tài sản. Bảo đảm tiền vay thực hiện theo các hợp đồng thế chấp tài sản và phụ lục hợp đồng thế chấp tài sản bổ sung đã ký giữa Doanh nghiệp tư nhân Trang trại GM với Ngân hàng nông nghiệp Phú Lộc"* mà không dẫn chiếu cam kết bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp số 010 ngày 03/12/2013. Do đó, không có căn cứ xác định anh Phạm Quốc B có nghĩa vụ bảo đảm trả nợ theo Hợp đồng thế chấp 010 ngày 03/12/2013 đối với 03 Hợp đồng tín dụng số: 304786 ngày 12/12/2013, 304848 ngày 16/12/2013, 304825 ngày 17/12/2013 giữa Agribank P với Doanh nghiệp GM. Mặt khác, Hợp đồng thế chấp số 010 ngày 03/12/2013 không có thỏa thuận về thời hạn chấm dứt hợp đồng nên Tòa án cấp sơ thẩm buộc Agribank P phải trả lại cho anh Phạm Quốc B giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BH 745138, thửa đất số 01, tờ bản đồ số 04 diện tích 22002,0 m^2 tại khu vực ĐB, thị trấn Phú Lộc, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế là có căn cứ.

Do vậy, không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của Nguyên đơn và kháng nghị của Viện Kiểm sát về việc yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm của anh B trong trường hợp Doanh nghiệp GM không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ đối với 3 Hợp đồng tín dụng nêu trên.

[4] Xét kháng cáo của Bị đơn về xin miễn án phí, Hội đồng xét xử thấy rằng: Đây là vụ án tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh, thương mại giữa cá nhân, tổ chức có đăng ký kinh doanh với nhau và đều có mục đích lợi nhuận; thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án quy định tại khoản 1 Điều 30 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong vụ án này, Bị đơn là ông Phạm Ngọc Tr - Chủ Doanh nghiệp tư nhân Trang trại GM là cá nhân có đăng ký kinh doanh nên không thuộc các trường hợp được miễn nộp tạm ứng án phí, án phí theo quy định tại Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Toà án.

[5] Về án phí:

- Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật là: 72.000.000 + (1.301.943.701 x 2%) = 98.038.874 đồng.

Trả lại cho Agribank Việt Nam số tiền tạm ứng án phí 44.723.000 đồng theo Biên lai thu số AA/2011/001467 ngày 10/02/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Các đương sự không phải chịu.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 30; khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; áp dụng Điều 134 và khoản 1 Điều 136 của Bộ luật Dân sự năm 2005; các điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 130 của Luật Đất đai năm 2003; các điều 91, 95, 98 của Luật Các tổ chức tín dụng; Điều 193, 195 của Luật Doanh nghiệp năm 2014; Án lệ số 08/AL của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/10/2016; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm một phần yêu cầu kháng cáo mà Ông Phạm Quốc Tr- Chủ Doanh nghiệp tư nhân Trang trại GM đã rút đối với đề nghị xem xét tính hợp pháp của các hợp đồng tín dụng và cách tính lãi.

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu tính lãi quá hạn khoản tiền 188.216.755 đồng của Agribank Việt Nam với ông Phạm Quốc Tr- Chủ Doanh nghiệp tư nhân Trang trại GM.

3. Sửa một phần bản án sơ thẩm buộc ông Phạm Quốc Tr- Chủ Doanh nghiệp tư nhân Trang trại GM phải trả cho Agribank Việt Nam tổng số tiền tính đến ngày 15/11/2018 là **3.301.943.701** đồng (trong đó tiền gốc 1.978.603.750 đồng; tiền lãi trong hạn phải trả 1.323.339.951 đồng).

4. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Agribank Việt Nam và kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân huyện P đối với yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm của anh Phạm Quốc B theo Hợp đồng thế chấp số 010/12/2013/HĐTS ngày 03/12/2013 trong trường hợp ông Phạm Quốc Tr- Chủ Doanh nghiệp tư nhân Trang trại GM không trả được nợ đối với 03 Hợp đồng tín dụng: Hợp đồng tín dụng số 4005-LAV-201304786 ngày 12/12/2013, Hợp đồng tín dụng số 4005-LAV-201304848 ngày 16/12/2013 và Hợp đồng tín dụng số 4005-LAV-201304825 ngày 17/12/2013.

5. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Ông Phạm Quốc Tr- Chủ Doanh nghiệp tư nhân Trang trại GM về yêu cầu miễn án phí.

6. Về án phí:

- Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Ông Phạm Quốc Tr- Chủ Doanh nghiệp tư nhân Trang trại GM phải chịu là 98.038.874 đồng. Trả lại cho Agribank Việt Nam số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 44.723.000 đồng theo Biên lai thu số AA/2011/001467 ngày 10/02/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Án phí phúc thẩm: Các đương sự không phải chịu. Hoàn trả cho Agribank Việt Nam số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo Biên lai thu số

006410 ngày 21/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế. Hoàn trả cho ông Phạm Quốc Tr- Chủ Doanh nghiệp tư nhân Trang trại GM số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo Biên lai thu số 006407 ngày 19/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND CC tại Đà Nẵng;
- VKSND CC tại Đà Nẵng;
- TAND huyện Phú lộc;
- VKSND huyện Phú Lộc;
- VKSND tỉnh TT Huế;
- Chi cục THA huyện Phú Lộc;
- Các đương sự;
- Lưu Tòa DS;
- Lưu HCTP; Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Kim Trọng